

Bản án số: 54/2024/HS-PT
Ngày 17 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thuận Lợi và bà Nguyễn Ngọc Giao

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Mai Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Dương Thị Bích N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T:

Bị cáo có kháng cáo: Dương Thị Bích N, sinh năm 1967 tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán phế liệu; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Hữu Đ (chết) và bà Nguyễn Thị X (chết); chồng là Nguyễn Văn B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Phước H là Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Tuấn V, Võ Văn T, Nguyễn Phú V1, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 14/9/2023 đến ngày 18/9/2023, Nguyễn Tuấn V đã rủ và được Võ Văn T, Nguyễn Phú V1 đồng ý cùng nhau thực hiện 03 vụ lấy trộm 06 bình ắc quy trên địa bàn xã L và xã C, huyện T rồi

đem đến nhà Dương Thị Bích N (mẹ của V) thuộc ấp A, xã L, huyện T để bán được tổng số tiền 3.600.000 đồng chia nhau tiêu xài. Khi bán, V có cho N biết các bình ắc quy này do trộm cắp được. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14-9-2023, V điều khiển xe ô tô tải ben (chạy thuê cho Công ty TNHH L1) chở T đến chỗ khai thác đá thuộc ấp S, xã L, huyện T, thấy 01 xe cuốc đất của Công ty TNHH L1 đậu không người trông giữ, V kêu T lại lấy trộm 02 bình ắc quy (01 bình ắc quy nhãn hiệu “GS”, loại 150A và 01 bình ắc quy nhãn hiệu “dongnai”, loại 120A), rồi cả hai đem bán cho N với giá 1.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 16-9-2023, V mang theo 01 cây kéo bằng kim loại, rồi điều khiển xe mô tô biển số 68F1-087.02 chở T đến khu vực bãi đậu xe kiểm phiếu chở đá của Công ty TNHH L1 thuộc ấp R, xã C, huyện T. V dùng kéo cắt dây điện nối vào cọc bình, lấy trộm 02 bình ắc quy nhãn hiệu “GS”, loại 150A trên xe ô tô tải biển số 67C-126.90 của ông Huỳnh Thanh T1 rồi đem bán cho N với giá 1.200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 18-9-2023, V mang theo 01 cây kéo, rồi điều khiển xe mô tô 67B1-537.82 chở V1, còn T điều khiển xe mô tô 68F1-087.02 chạy phía sau, khi đến Cơ sở sửa chữa ô tô “Thành Công” thuộc ấp R, xã C, huyện T, V kêu V1 ở ngoài trông xe và cảnh giới, còn V và T leo rào vào. V dùng kéo cắt dây điện lấy trộm 02 bình ắc quy nhãn hiệu “dongnai”, loại 150A, trên xe ô tô tải biển số 61C-072.99 của ông Đ1 Thành Lập rồi đem bán cho N với giá 1.200.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 39, 40, 41/KL-HĐĐG.TTHS cùng ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh An Giang, kết luận:

- 01 bình ắc quy hiệu GS loại 150A, thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh, nút bình màu đỏ (đã qua sử dụng) trị giá 1.800.000 đồng; 01 bình ắc quy hiệu dongnai, loại 120A, thân bình màu trắng, nắp bình màu đen, nút bình màu đỏ (đã qua sử dụng) trị giá 1.500.000 đồng. Tổng trị giá 3.300.000 đồng.

- 02 bình ắc quy hiệu GS, loại 150A, thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh, nút bình màu đỏ (đã qua sử dụng), trị giá 4.800.000 đồng.

- 02 bình ắc quy hiệu dongnai, loại 150A, thân bình màu trắng, nắp bình màu đen, nút bình màu đỏ (đã qua sử dụng), trị giá 4.640.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn V, Võ Văn T và Nguyễn Phú V1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Dương Thị Bích N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V1 07

(bảy) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Dương Thị Bích N 08 (tám) tháng tù. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần xử vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/02/2024, bị cáo Dương Thị Bích N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Bích N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo còn nuôi con bị hạn chế năng lực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt các bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Bị cáo Dương Thị Bích N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp giấy xác nhận của UBND xã L, huyện T xác nhận hiện nay bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi người con tên Nguyễn Tuấn C bị bệnh tâm thần kèm theo sổ lãnh tiền trợ cấp hàng tháng, sổ khám bệnh của Tuấn C. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được chấp hành hình phạt có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tính nghiêm minh của pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Bích N, xử phạt bị cáo 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ông Nguyễn Phước H là người bào chữa cho bị cáo có ý kiến trình bày: Thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm như: giấy xác nhận và các hồ sơ chứng minh bị cáo là lao động chính đang nuôi con bị bệnh tâm thần. Như vậy, bị cáo đã có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị Bích N thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2023 đến ngày 18/9/2023, Nguyễn Tuấn V đã rủ và được Võ Văn T, Nguyễn Phú V1 đồng ý cùng nhau thực hiện 03 vụ lấy trộm 06 bình ắc quy trên địa bàn xã L và xã C, huyện T rồi đem đến nhà Dương Thị Bích N thuộc ấp A, xã L, huyện T để bán và mặc dù N được V cho biết các bình ắc quy này do trộm cắp được nhưng vẫn mua với tổng số tiền 3.600.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Tuấn V, Võ Văn T và Nguyễn Phú V1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xét xử bị cáo Dương Thị Bích N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Dương Thị Bích N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xem thường pháp luật nhà nước. Các bị cáo đã lợi dụng đêm khuya vắng vẻ, mọi người ngủ say, không người trông giữ để lấy trộm tài sản. Đối với bị cáo N, bản thân là mẹ của bị cáo V, biết bị cáo V lấy trộm tài sản của người khác, bị cáo không khuyên ngăn mà còn giúp sức tiêu thụ tài sản do bị cáo V trộm được mà có. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, khi lượng hình đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Lẽ ra phải giữ nguyên án sơ thẩm, tuy nhiên xét thấy: Mặc dù bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là phụ nữ, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình hồ sơ bệnh án của con trai bị cáo tên Nguyễn Tuấn C bị bệnh tâm thần, là đối tượng khuyết tật được hưởng trợ cấp hằng tháng tại địa phương cần được sự chăm sóc của bị cáo. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cũng xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hơn nữa, con của bị cáo (bị cáo

Nguyễn Tuấn V) cũng đang bị bắt giam trong cùng vụ án, nếu bắt bị cáo N vào thụ hình án sẽ gây khó khăn, ảnh hưởng kinh tế cho bản thân và gia đình của bị cáo. Ngoài ra, từ khi vụ án khởi tố đến nay, trong thời gian tại ngoại bị cáo N đã chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, không vi phạm gì mới. Đối chiếu Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo N đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải và để tạo điều kiện cho bị cáo ở địa phương lao động chân chính phụ giúp gia đình, nuôi dạy con cái, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, có thể giữ nguyên mức hình phạt tù của cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt.

[4] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Dương Thị Bích N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Dương Thị Bích N. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Bích N.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Bích N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Dương Thị Bích N 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/4/2024).

Giao bị cáo Dương Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Thị Bích N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện T;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa Hình sự; Văn phòng; hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng